

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2020/DS-ST

Ngày: 16-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Phước Hậu

2/ Bà Võ Thị Lài

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2019/TLST-DS ngày 30/12/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyện đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức E – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Đinh Quang F – Sinh năm: 1993

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, Số 266-268 Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền tháng 10/2019)

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Đồng G – Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Số 379/4 Đường H, Tổ 7, Ấp K, xã L, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Quang F trình bày:

Ngày 19/06/2012, bà Nguyễn Đồng G ký hợp với Ngân hàng TMCP A (sau đây viết tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà G, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, loại thẻ tín dụng nội địa Family, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 2,5%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.950.000 đồng.

Kể từ ngày 22/9/2016, bà Nguyễn Đồng G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 5.058.919 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/11/2016.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho bà G thanh toán nhưng bà G cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 12/6/2020 bà Nguyễn Đồng G còn nợ Ngân hàng số tiền là 13.267.471 đồng, trong đó nợ gốc là 5.058.919 đồng, nợ lãi là 8.208.552 đồng.

Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Đồng G trả số tiền tính đến ngày 12/6/2020 là 13.267.471 đồng trong đó nợ gốc 5.058.919 đồng và lãi quá hạn là 8.208.552 đồng. Ngoài ra, bà G còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 13/6/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà G trả số tiền còn nợ của khoản vay thẻ tín dụng tính đến ngày 16/7/2020 là 13.482.487 đồng, trong đó, nợ gốc là 5.058.919 đồng, nợ lãi là 8.423.568 đồng và phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để bà Nguyễn Đồng G là bị đơn đến Tòa án để làm việc và giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Đồng G vẫn không có mặt mà không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc

chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Đồng G phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Bà Nguyễn Đồng G có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Đồng G là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc là 5.058.919 đồng.

Căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 19/6/2012 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) nên có đủ cơ sở để xác định bị đơn là bà G có sử dụng thẻ của Ngân hàng, giữa bà Nguyễn Đồng G và Ngân hàng đã phát sinh giao dịch dân sự là vay tài sản. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 19/6/2012 thì bà G được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, loại thẻ tín dụng nội địa Family, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 2,5%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.950.000 đồng và đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 36.670.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi.

Kể từ ngày 22/9/2016, bà Nguyễn Đồng G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ

và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 5.058.919 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/11/2016.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Trong trường hợp này, bà Nguyễn Đồng G là bên đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng.

Theo quy định tại Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Đồng G phải trả số tiền nợ gốc là 5.058.919 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

Trong quá trình vay và sử dụng thẻ bà G vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo quy định trong hợp đồng nên bà G phải chịu lãi theo quy định. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng thì nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, theo hợp đồng thẻ tín dụng nói trên, bà G đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng nghĩa là bà G mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và phải chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của Ngân hàng.

Tính đến ngày 16/7/2020, số tiền lãi mà bà G phải trả cho nguyên đơn là 8.423.568 đồng. Ngoài ra, bà G còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Đồng G phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 16/7/2020 là 8.423.568 đồng và bà G còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bà G phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 13.482.487 đồng, trong đó, nợ gốc là 5.058.919 đồng, nợ lãi là 8.423.568 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do

các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Về phương thức trả nợ: Do bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bà G phải trả toàn bộ số nợ còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- *Về hình thức:*

Xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Đồng G.

- *Về nội dung:*

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Đồng G phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 13.482.487 đồng trong đó, nợ gốc là 5.058.919 đồng, nợ lãi là 8.423.568 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 17/7/2020 cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) ký ngày 19/6/2012.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán

xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm là 674.124 (Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi bốn) đồng do bà Nguyễn Đồng G chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0034788 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

